

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HSST**
Ngày 22-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm; bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn A**; *Tên gọi khác:* Tý; *Sinh năm:* 1990; *Tại Bình Phước;* *Nơi ĐKKHKT cũng như chỗ ở:* thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* không; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Trình độ văn hóa:* 6/12; *Nghề nghiệp:* thợ xây; *Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949;* *Bị cáo không có vợ, con;* *Tiền án, tiền sự:* không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Tổng Văn D**; *Tên gọi khác:* Gòn; *Sinh năm:* 1983; *Tại Bình Phước;* *Nơi ĐKKHKT cũng như chỗ ở:* thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* không; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Trình độ văn hóa:* 9/12; *Nghề nghiệp:* làm nông; *Con ông Tổng Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1948;* *Bị cáo có vợ là chị Trần Thị H, sinh năm 1980 và có 02 con,*

lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Về nhân thân: Ngày 30 tháng 6 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong bản án; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: Nguyễn Thị I; Tên gọi khác: Trâm; Sinh năm: 1966; Tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKKHKT cũng như chỗ ở: thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: không rõ; Bị cáo có chồng là anh Trần Nhật M, sinh năm 1964 và có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2010; Về nhân thân: Ngày 28 tháng 9 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp tuyên phạt 05 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chấp hành xong bản án; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; HKTT: thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người làm chứng: Anh Trần Văn O, sinh năm 1990; HKTT: thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 2 năm 2020 (không rõ ngày), Nguyễn Thị I bán cây hoa giấy cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch với giá 500.000 đồng; đối tượng này thỏa thuận với I là bán cho I 01 gói ma túy, tiền bán ma túy sẽ trừ vào số tiền mua cây và hẹn lần sau sẽ đưa thêm ma túy cho đủ số tiền mua cây thì I đồng ý. Trong lúc đào cây đối tượng này làm rơi ra 01 gói ma túy, I đã nhặt được. Số ma túy này, I bán cho Nguyễn Văn A 01 gói lấy 300.000 đồng; bán cho Tống Văn D 01 gói lấy 120.000 đồng (gói nhặt được). Đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối tượng này đến đưa cho I 03 gói nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy để cho đủ số tiền mua cây như đã thỏa thuận. Số ma túy này, ngày 29 tháng 02 năm 2020 I đã bán 01 gói cho một đối

tượng không rõ nhân thân lai lịch lấy 200.000 đồng; đến khoảng 19 giờ ngày 01 tháng 3 năm 2020 I tiếp tục bán 01 gói cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch lấy 200.000 đồng.

Khoảng 20 giờ ngày 01 tháng 3 năm 2020, I nhận được điện thoại của Tống Văn D hỏi mua ma túy nhưng I nói không có bán. Lúc này, D nói Nguyễn Văn A (A, D và Trần Văn O đang uống rượu chung) gọi điện thoại cho I hỏi mua ma túy thiếu 200.000 đồng, ngày mai D nhất điều bán lấy tiền đưa cho A trả cho I thì A đồng ý. Sau đó, A gọi điện cho I hỏi mua thiếu 200.000 đồng ma túy và hẹn ngày mai sẽ trả tiền thì I đồng ý và nói A tới nhà I để lấy ma túy. A điều khiển xe đạp điện đến nhà I, I đưa cho A 01 gói ny lon màu trắng hàn kín bên trong chứa ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật gồm:

Thu giữ trên người Nguyễn Văn A 01 gói ny lon màu trắng hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 xe đạp điện không biển kiểm soát, nhãn hiệu E119; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202.

Thu giữ trên người Nguyễn Thị I 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh-đen

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, Tống Văn D đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận giám định số 49 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1596 gam.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 0,0826 gam ma túy hoàn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe đạp điện không biển kiểm soát, nhãn hiệu E119 là của Nguyễn Văn N. Ngày 01 tháng 3 năm 2020 A mượn xe đi chơi, sau đó A sử dụng xe đi mua ma túy về sử dụng thì N không biết, do đó cần trả lại xe cho N.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 thu giữ trên người Nguyễn Văn A và điện thoại di động hiệu Nokia 105 thu giữ trên người Nguyễn Thị I là điện thoại của A và I. I và A sử dụng điện thoại này làm O tiện liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại mà Tống Văn D dùng để liên lạc mua ma túy với Nguyễn Thị I; D đã làm mất không rõ ở vị trí nào, nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A; Tống Văn D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Nguyễn Thị I về Tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 02 năm – 02 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Tống Văn D mức án từ 02 năm 6 tháng – 03 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị I mức án từ 07 – 08 năm tù.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn A; Tống Văn D; Nguyễn Thị I đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số

31/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2020 của viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận giám định, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện tội phạm, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận : Khoảng 20 giờ ngày 01 tháng 3 năm 2020, các bị cáo Tống Văn D và Nguyễn Văn A cùng rủ nhau mua ma túy về sử dụng. Sau đó, bị cáo A gọi cho bị cáo Nguyễn Thị I ở thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập hỏi mua thiếu 200.000 đồng ma túy thì bị cáo I đồng ý. Khi bị cáo I và bị cáo A đang mua bán 0,1596 gam ma túy thì bị Công an bắt quả tang. Ngoài ra, trước đó bị cáo I còn một lần bán ma túy cho bị cáo A, một lần bán ma túy cho bị cáo D và bán ma túy cho hai đối tượng không rõ nhân thân lai lịch. Như vậy, hành vi của các bị cáo A, D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, và hành vi của bị cáo I đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] **Đối với bị cáo A:** Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do bị nghiện và cần ma túy để sử dụng mà bị cáo đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Trong đó, bị cáo A thực hiện hành vi trực tiếp mua của bị cáo I 02 lần ma túy. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước, để sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của bản thân và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần phải áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5]. Đối với bị cáo D: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do bị nghiện và cần ma túy để sử dụng mà bị cáo đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Trong đó, bị cáo D thực hiện hành vi trực tiếp mua của bị cáo I 01 lần ma túy. Hơn nữa, bị cáo D là người có nhân thân xấu, cụ thể là ngày 30 tháng 6 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mình. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước, để sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của bản thân và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã đến cơ quan Công an để đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần phải áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[6]. Đối với bị cáo I: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và biết được việc mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng do tư lợi bất chính, muốn có tiền nhanh chóng từ việc bán ma túy với lợi nhuận cao mà bị cáo đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Trong đó, bị cáo I thực hiện hành vi trực tiếp bán cho bị cáo A 02 lần ma túy, bán cho bị cáo D 01 lần ma túy và bán ma

túy cho hai đối tượng không rõ nhân thân lai lịch. Hơn nữa, bị cáo I là người có nhân thân xấu, cụ thể là Ngày 28 tháng 9 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp tuyên phạt 05 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mình. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước, để sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của bản thân và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần phải áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[7] Đối với đối tượng đưa ma túy cho Nguyễn Thị I và hai đối tượng mua ma túy của I, I không rõ nhân thân lai lịch, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập cần tiến hành xác minh làm rõ, sau khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[8] Đối với anh Trần Văn O, quá trình điều tra xác định anh O không biết việc bị cáo D và bị cáo A bàn bạc mua ma túy về sử dụng nên HĐXX không có cơ sở để xử lý đối với anh O.

[9] Vật chứng vụ án:

Số ma túy loại Methamphetamine có trọng lượng 0,0826 gam được hoàn lại sau giám định đựng trong 01 bì thư được niêm phong, trên bì thư có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn Hải, cán bộ Võ Hoàng Phi Long, Nguyễn Văn A và hình dấu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước là ma túy mà các bị cáo mua về để sử dụng chung nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe đạp điện không biển kiểm soát, nhãn hiệu E119 là của anh Nguyễn Văn N. Ngày 01 tháng 3 năm 2020 bị cáo A mượn xe đi chơi, sau đó sử dụng xe đi mua ma túy về sử dụng thì anh N không biết, do đó cần trả lại xe này lại cho anh N.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 thu giữ trên người bị cáo A và điện thoại di động hiệu Nokia 105 thu giữ trên người bị cáo I, đây là phương tiện mà bị cáo A và I sử dụng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại mà bị cáo D dùng để liên lạc mua ma túy với bị cáo I; do bị cáo đã làm mất không rõ ở vị trí nào, không thu hồi được nên không đặt vấn đề để xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn A** (tên gọi khác: *Tý*); bị cáo **Tổng Văn D** (tên gọi khác: *Gòn*) phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”; bị cáo **Nguyễn Thị I** (tên gọi khác: *Trâm*) phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Tổng Văn D **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị I **07 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2020.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy loại Methamphetamine có trọng lượng 0,0826 gam được hoàn lại sau giám định đựng trong 01 bì thư được niêm phong , trên bì thư có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn Hải, cán bộ Võ Hoàng Phi Long, Nguyễn Văn A và hình dấu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 của bị cáo A và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 của bị cáo I.

Tuyên trả lại cho anh Nguyễn Văn N một xe đạp điện không biển kiểm soát, nhãn hiệu E119.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008656; Quyết số 0174; Ký hiệu D47/2017 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Tống Văn D, Nguyễn Thị I mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Phú Vinh